

Số: 22 /2022/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Cần Thơ lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1880/TTr-SVHTTDL ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Tờ trình số 2579/TTr-SVHTTDL ngày 26 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Cần Thơ lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao quốc gia, khu vực (Đồng bằng sông Cửu Long) và của thành phố (thành phố, cấp huyện, cấp xã).

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên của thành phố Cần Thơ lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của thành phố Cần Thơ lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp

1. Đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp

a) Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp được hưởng mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích tại các đại hội, các giải có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

3. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành phố Cần Thơ lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao các cấp được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước được giao hàng năm theo phân cấp, việc quản lý sử dụng kinh phí này thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2022; thay thế Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân

dân thành phố về việc quy định mức chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VP Chính Phủ (HN-TPCHM);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBND TP;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Các Ban của HĐND TP;
- VP UBND TP (2,3,7);
- Công báo TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, Q

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thực Hiện





PHỤ LỤC
MỨC THƯỜNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
LẠP THÀNH TÍCH TẠI CÁC ĐẠI HỘI, GIẢI THỂ THAO CÁC CẤP
(Kiểm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	TÊN CUỘC THI	HCV	HCB	HCD	PHÁ KỶ LỤC ĐƯỢC HƯỞNG THÊM
I	Các Đại hội				
1	Đại hội thể thao/thể dục thể thao toàn quốc	15.000	9.000	6.000	6.000
2	Đại hội thể thao/thể dục thể thao Đồng bằng sông Cửu Long	1.000	800	600	
II	Giải thể thao cấp quốc gia				
1	Giải vô địch toàn quốc/quốc gia	10.000	6.000	4.000	4.000
2	Giải cúp toàn quốc/quốc gia, giải câu lạc bộ toàn quốc/quốc gia	5.000	3.000	2.000	2.000
3	Giải trẻ toàn quốc/quốc gia	5.000	3.000	2.000	2.000
4	Các giải trẻ và giải có phân lứa tuổi trong hệ thống thi đấu toàn quốc/quốc gia				
a	Dưới 12 tuổi	2.000	1.200	800	800
b	Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	3.000	1.800	1.200	1.200
c	Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	4.000	2.400	1.600	1.600
d	Từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi hoặc giải vô địch trẻ toàn quốc/quốc gia; giải trẻ thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc/quốc gia	5.000	3.000	2.000	2.000
5	Giải vô địch toàn quốc/ quốc	10.000	6.000	4.000	4.000

	gia dành cho người khuyết tật				
6	Giải trẻ toàn quốc/ quốc gia dành cho người khuyết tật	5.000	3.000	2.000	2.000
III	Giải thể thao thành phố Cần Thơ				
1	Giải thể thao thành phố	800	600	400	
2	Giải thể thao trẻ thành phố	400	300	200	
IV	Giải thể thao cấp huyện	Mức chi bằng 60% mức chi cấp thành phố			
V	Giải thể thao cấp xã	Mức chi bằng 40% mức chi cấp thành phố			